



DỰ ÁN

**PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN Ở TỈNH THÁI BÌNH**

HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ RỪNG NGẬP MẶN DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG



MỤC LỤC

I. Khái niệm và mục đích	1
1.1. Khái niệm về cộng đồng	1
1.2. Khái niệm về quản lý rừng dựa vào cộng đồng	1
1.3. Mục đích quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng	1
II. Đặc điểm của quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng	2
III. Một số tiêu chí của mô hình quản lý rừng ngập mặn	2
IV. Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng	3
4.1. Thành lập Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng	3
4.2. Nhiệm vụ của Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng	3
4.3. Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng	4
V. Hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy ước	4
5.1. Căn cứ pháp lý	4
5.2. Yêu cầu của quy ước quản lý rừng ngập mặn	5
5.3. Nội dung chủ yếu của quy ước về quản lý rừng ngập mặn	5
5.4. Các bước tổ chức xây dựng quy ước bảo vệ rừng ngập mặn thôn	7
5.5. Đánh giá sơ bộ về kết quả xây dựng và thực hiện quy ước	10
VI. Phương pháp xây dựng nội dung quản lý rừng ngập mặn dựa	11
6.1. Điều tra tài nguyên và lập kế hoạch quản lý rừng có sự tham gia	11
6.2. Những công việc dự kiến tiến hành	13

I. Khái niệm và mục đích

1.1. Khái niệm về cộng đồng

Cộng đồng được dùng trong quản lý rừng là cộng đồng dân cư thôn. Tại Điều 3 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 đã định nghĩa “Cộng đồng dân cư thôn là toàn bộ các hộ gia đình, cá nhân sống trong cùng một thôn, làng, bản, ấp, buôn, phum, sóc hoặc đơn vị tương đương”.

1.2. Khái niệm về quản lý rừng dựa vào cộng đồng

Quản lý rừng nói chung và Quản lý rừng ngập mặn (RNM) nói riêng dựa vào cộng đồng là hình thức cộng đồng tham gia quản lý các khu rừng không thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu chung của họ mà thuộc quyền quản lý, sử dụng sở hữu của các thành phần kinh tế khác nhưng có quan hệ trực tiếp đến đời sống, đến việc làm, thu hoạch sản phẩm, thu nhập hay các lợi ích khác của cộng đồng. Hình thức này có thể chia thành hai đối tượng:

Rừng của hộ gia đình, cá nhân là thành viên trong cộng đồng. Cộng đồng tham gia quản lý với tính chất hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau, chia sẻ lợi ích cùng nhau trên cơ sở tự nguyện (tạo thêm sức mạnh để bảo vệ rừng, hỗ trợ hoặc đổi công cho nhau trong các hoạt động lâm nghiệp...).

Rừng thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của các tổ chức nhà nước (các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, các lâm trường, công ty lâm nghiệp nhà nước, các trạm trại...) và các tổ chức tư nhân khác. Cộng đồng tham gia các hoạt động lâm nghiệp như bảo vệ, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh, phục hồi rừng, trồng rừng với tư cách là người làm thuê thông qua các hợp đồng khoán và hưởng lợi theo các cam kết trong hợp đồng.

1.3. Mục đích quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng:

Mục đích quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng là bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tạo thu nhập từ nguồn lợi thủy hải sản, cụ thể: chắn sóng, chắn gió và bão tố, hấp thụ các bon, cố định phù sa, tăng nguồn lợi thủy hải sản dưới tán rừng; bảo vệ đời sống, kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư ven biển, như vậy mục đích không phải là sản xuất hàng hoá lâm sản để bán trên thị trường.

II. Đặc điểm của quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng

- Người dân (cộng đồng) giữ vai trò trung tâm, họ vừa là nhân tố hành động vừa là người hưởng lợi, các nhà chuyên môn chỉ đóng vai trò tư

vấn, không có vai trò thực hiện và chịu trách nhiệm.

- Sự tham gia của cộng đồng ngay từ những bước ban đầu của quá trình lập kế hoạch và ra quyết định cho tới khi thực thi công tác quản lý rừng ngập mặn.

- Cộng đồng ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định quản lý rừng.

- Cộng đồng tự chịu trách nhiệm về thu chi, sự may rủi và hưởng lợi ích từ rừng theo quy định của pháp luật và theo quy ước/hương ước của cộng đồng.

- Sử dụng nguồn lao động hiện có của cộng đồng là chủ yếu kết hợp với sự giúp đỡ tài chính của Nhà nước và các Tổ chức phi chính phủ trong nước và ngoài nước.

- Hoạt động quản lý rừng tương đối linh hoạt, chủ yếu tập trung vào việc bảo vệ, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên rừng.

III. Một số tiêu chí của mô hình quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng

Được cấp có thẩm quyền giao khoán quản lý rừng ngập mặn cho cộng đồng bằng Quyết định và Hợp đồng theo quy định hiện hành (Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để xác lập việc quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng). Quyết định giao khoán hoặc Hợp đồng giao khoán có các điều khoản quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm giữa chủ rừng với cộng đồng trong đó hai bên thống nhất việc quy định mức độ hưởng lợi theo quy định hiện hành khi diện tích rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng quản lý cho lợi ích.

Đáp ứng các yêu cầu của cộng đồng về Phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo môi trường sinh thái và xã hội. Cộng đồng được hưởng thành quả lao động trên diện tích đất, diện tích rừng được giao.

Sử dụng các nguồn lực sẵn có của cộng đồng kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước như: Sử dụng nguồn lao động của chính cộng đồng để bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn. Nhà nước có nhiều chính sách hỗ trợ để tăng cường sự tham gia của người dân vào quản lý rừng như tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thông qua khuyến nông, khuyến lâm, tiền khoán quản lý bảo vệ rừng hàng năm và chi trả dịch vụ môi trường rừng (nếu có),...

Có quy ước/hương ước với sự tham gia của toàn thể cộng đồng và

được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt: Mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật về quản lý rừng nhưng quy ước/hương ước của thôn cũng có tác dụng quan trọng. Cộng đồng muốn quản lý được rừng phải dựa vào pháp luật của Nhà nước, nhu cầu của cộng đồng, trình độ dân trí để soạn thảo và ban hành quy ước/hương ước quản lý và bảo vệ rừng. Nội dung quy ước/hương ước quy định quyền lợi và nghĩa vụ của mọi thành viên cộng đồng trong việc bảo vệ và phát triển rừng; tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên của cộng đồng trong quá trình bảo vệ và phát triển rừng. Có thể nói, quy ước/hương ước quản lý và bảo vệ rừng ngập mặn là một trong những tiêu chí quan trọng để xác nhận khu rừng ngập mặn ở địa phương đã được cộng đồng quản lý.

Có hình thức tổ chức quản lý rừng linh hoạt, mềm dẻo. Tổ chức sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng trên tinh thần tự nguyện, hưởng lợi lâu dài; hình thức tổ chức và quản lý đa dạng, linh hoạt và mềm dẻo. Có thể áp dụng các hình thức tổ chức quản lý rừng để thu hút mọi nguồn lực sẵn có ở cộng đồng như: thành lập tổ chuyên trách bảo vệ rừng, các hộ gia đình trong cộng đồng luân phiên tuần tra rừng hoặc huy động các tổ chức đoàn thể cấp cộng đồng tham gia bảo vệ rừng.

IV. Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng

4.1. Thành lập Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng

Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng do thôn thành lập và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

Thành phần Ban quản lý rừng ngập mặn gồm Trưởng thôn, 4-5 thành viên được cộng đồng lựa chọn từ các đoàn thể như Chi bộ thôn, Đoàn thanh niên, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh...

4.2. Nhiệm vụ của Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng

- Phối hợp với Kiểm lâm địa bàn, lãnh đạo xã và các tổ chức chính trị xã hội ở thôn, xây dựng Quy ước quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng;
- Xây dựng kế hoạch quản lý rừng ngập mặn dựa cộng đồng;
- Phân chia các nhóm hộ và phân công nhóm hộ thực hiện kế hoạch quản lý rừng ngập mặn, mỗi nhóm hộ có nhóm trưởng và nhóm phó;
- Huy động vốn, nhân lực để thực hiện kế hoạch quản lý rừng ngập mặn;
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý rừng ngập mặn; sử dụng tài

nguyên rừng mang lại và việc phân chia lợi ích từ rừng do cộng đồng nhận khoán quản lý bảo vệ;

- Lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu Quỹ bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn;
- Lập báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu về kết quả thực hiện quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng cho chủ rừng.

4.3. Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng

Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng có Trưởng Ban và 1 - 2 Phó Ban.

Trưởng thôn là Trưởng Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng. Trưởng ban chịu trách nhiệm điều hành chung, kiểm tra các hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn thôn được quy định trong Quy ước quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng đã được ban hành.

Phó Ban quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng có trách nhiệm giúp Trưởng Ban quản lý, điều hành theo nhiệm vụ được phân công.

V. Hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước (gọi chung là quy ước) của cộng đồng trong quản lý rừng ngập mặn

5.1. Căn cứ pháp lý:

Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Nghị định số 79/NĐ-CP ngày 07/7/2003 của Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã;

Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 19/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư;

Thông tư liên tịch số 03/TTLT/BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN ngày 31/3/2000 của Liên Bộ Tư pháp, Văn hóa - Thông tin, Ban Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư;

Thông tư số 56/1999/TT/BNN-KL ngày 30/3/1999 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn xây dựng quy ước bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư thôn, làng, buôn, bản, ấp;

Quyết định số 106/2006/QĐ-BNN ngày 27/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Bản Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn.

Cẩm nang ngành Lâm nghiệp, Chương Lâm nghiệp cộng đồng, Bộ NN&PTNT, năm 2006;

Các văn bản trên đã khẳng định quy ước/hương ước là văn bản quy phạm xã hội trong đó quy định các quy tắc xử sự chung do cộng đồng dân cư cùng thỏa thuận đặt ra để điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính tự quản của nhân dân nhằm giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống văn hóa trên địa bàn thôn, làng, bản, góp phần hỗ trợ tích cực cho việc quản lý Nhà nước bằng pháp luật.

5.2. Yêu cầu của quy ước quản lý rừng ngập mặn

Các quy định trong quy ước quản lý rừng ngập mặn phải phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng và tuân thủ pháp luật của Nhà nước, đồng thời phải kế thừa và phát huy thuần phong mỹ tục của địa phương;

Bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan, phạt vạ trái pháp luật gây mất đoàn kết trong cộng đồng;

Nội dung rõ ràng, dễ hiểu và dễ thực hiện.

Đề ra các biện pháp, phương thức thích hợp giúp cộng đồng trên địa bàn tham gia quản lý rừng ngập mặn đạt hiệu quả cao, bảo đảm phát huy quyền tự do, dân chủ của nhân dân; động viên và tạo điều kiện để nhân dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân trong quản lý bảo vệ rừng ngập mặn;

Bảo đảm giữ gìn và phát huy thuần phong, mỹ tục, thực hiện nếp sống văn minh trong ứng xử, xây dựng và phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau; thực hiện tốt các chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng;

5.3. Nội dung chủ yếu của quy ước về quản lý rừng ngập mặn

Đề ra quyền lợi và nghĩa vụ của mọi thành viên trong cộng đồng về việc quản lý bảo vệ, phát triển rừng ngập mặn và bảo vệ môi trường sống trong đó: Xây dựng được phương pháp, phương thức thích hợp giúp cộng đồng trên địa bàn tham gia quản lý rừng ngập mặn đạt hiệu quả cao. Đề ra được kế hoạch 5 năm và hàng năm trong quản lý bảo vệ, phát triển rừng ngập mặn (Hướng dẫn phương pháp xây dựng nội dung này được đưa ra chi tiết ở mục VI);

Quy định về quản lý bảo vệ rừng và huy động nội lực của cộng đồng để trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển những khu rừng do cộng đồng thôn nhận khoán quản lý bảo vệ rừng;

Quy định về bảo vệ, khai thác nguồn lợi thủy hải sản dưới tán rừng (nếu có);

Quy định việc chăn thả gia súc trong rừng;

Đề ra việc phòng trừ sâu bệnh hại rừng;

Quy định về phát hiện, ngăn chặn những tác nhân xâm hại đến rừng, ngăn chặn người ở các địa bàn khác đến phá rừng nuôi trồng thủy sản, khai thác, mua bán, vận chuyển, thủy sản trái phép và hành vi chứa chấp những việc làm sai trái đó;

Quy định về sử dụng, tạo giống, nhân giống cây trồng trong sản xuất lâm nghiệp nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý rừng;

Quy định về việc tương trợ, giúp đỡ nhau giữa các thành viên thuộc cộng đồng trong lĩnh vực bảo vệ, phát triển rừng và tổ chức dịch vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lâm ngư kết hợp;

Việc phối hợp liên thôn để đảm bảo vệ và phát triển rừng có hiệu quả;

Quy định của cộng đồng về việc xử lý đối với những vi phạm về bảo vệ, phát triển rừng như bồi thường thiệt hại và xử phạt. Tuy nhiên việc xử lý vi phạm ở thôn chủ yếu bằng tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục, hòa giải phù hợp với tình hình cụ thể của mỗi thôn, không được quy định xử phạt trái với quy định của pháp luật;

Những việc có tính chất công ích chung của thôn về bảo vệ và phát triển rừng, phòng chống sâu bệnh hại... có thể quy định việc huy động đóng góp của dân nhưng phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện và đúng quy định hiện hành về việc thực hiện quy chế dân chủ ở xã;

Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ và phát triển rừng thôn bản:

Cộng đồng họp thống nhất việc xây dựng Quỹ;

Bầu ban quản lý Quỹ;

Xây dựng Quy chế quản lý Quỹ gồm: Các nguồn thu, các khoản được phép chi, trách nhiệm và quyền lợi của các thành viên cộng đồng trong việc đóng góp xây dựng và sử dụng Quỹ, trách nhiệm của Ban quản lý Quỹ, cơ chế hoạt động, định mức các khoản chi;

Các nguồn thu: Các nguồn thu từ nội bộ cộng đồng, Các nguồn thu từ bên ngoài cộng đồng;

Các khoản được chi từ Quỹ: Chi cho các hoạt động bảo vệ và phát triển

rừng. Chi cho dịch vụ vật tư, tín dụng hỗ trợ sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm bớt khó khăn cho các hộ nghèo, giảm sức ép đối với rừng.

Quy định cụ thể về chia sẻ lợi ích trong cộng đồng:

Quy định cơ chế hưởng lợi các sản phẩm nông lâm ngư kết hợp được khai thác trên diện tích rừng giao khoán cho cộng đồng.

Quy định việc thực hiện các hoạt động sản xuất khác trên diện tích rừng và đất trống rừng Nhà nước giao cho cộng đồng như: quy định được sử dụng bao nhiêu % đất ngập mặn chưa có rừng; quy định về tổ chức các hoạt động dịch vụ - du lịch trên diện tích rừng Nhà nước giao.

Quy định về chia sẻ lợi ích khi được nhận tiền, vật tư theo quy định của các chương trình, dự án trong trường hợp khu rừng của cộng đồng tham gia vào các chương trình, dự án đó.

Quy định về chia sẻ lợi ích khi được bồi thường thành quả lao động, kết quả đầu tư để bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng và các quy định khác của pháp luật có liên quan khi Nhà nước thu hồi rừng.

5.4. Các bước tổ chức xây dựng quy ước bảo vệ rừng ngập mặn thôn:

Bước 1: Công tác chuẩn bị

- Tùy theo tình hình kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đặc thù của từng thôn mà cán bộ kiểm lâm phụ trách địa bàn gợi ý và thảo luận với trưởng thôn, đại diện các đoàn thể trong thôn xác định và lựa chọn những nội dung chính trong việc bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương; sắp xếp theo thứ tự ưu tiên quan trọng và các giải pháp để đưa ra hội nghị cộng đồng thôn cùng bàn bạc, thảo luận, biểu quyết nhất trí và cam kết thực hiện.

Tổ chức hội nghị thôn để bàn bạc, thảo luận, biểu quyết về việc xây dựng Quy ước

Công tác chuẩn bị cần đạt được một số kết quả sau:

Tập hợp được các bản đồ liên quan đến lô, khoảnh rừng ngập mặn đã giao khoán cho cộng đồng thôn; phương án, tài liệu giao đất giao rừng, các văn bản pháp lý của nhà nước liên quan đến lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng; kế hoạch quản lý rừng 5 năm của cộng đồng.

Các dữ liệu về tài nguyên rừng ngập mặn và thông tin kinh tế xã hội của thôn được rà soát.

Có sự hiểu biết ban đầu về hiện trạng rừng;
Ban tự quản quản lý rừng ngập mặn của thôn thông báo về;
Quá trình xây dựng quy ước sẽ tiến hành, phương pháp và mục tiêu;
Thành phần tham gia họp; chú ý đến mời phụ nữ tham gia;
Thống nhất về ngày họp đầu tiên.

Bước 2: Xây dựng quy ước quản lý rừng ngập mặn

Trưởng thôn triệu tập hội nghị dưới 2 hình thức: hội nghị toàn thể nhân dân hoặc hội nghị đại diện gia đình trong thôn. Tham gia cuộc họp còn có: Cán bộ lâm nghiệp, Kiểm lâm địa bàn, Lãnh đạo xã, Ban lâm nghiệp xã, cán bộ Hội phụ nữ. Cán bộ xã và thôn cùng đứng ra điều hành cuộc họp. Hội nghị thảo luận các nội dung dự thảo quy ước bảo vệ rừng ngập mặn của thôn, biểu quyết công khai thông qua từng phần và tổng thể quy ước. Điều quan trọng là các quy định, điều khoản trong quy ước được xây dựng dựa vào nhu cầu quản lý rừng, được thảo luận và quyết định bởi người dân. Người bên ngoài chỉ cung cấp các chính sách, quy định của luật pháp khi cần thiết để người dân có thể vận dụng và lồng ghép nó vào trong quy định của mình.

Phương pháp tiến hành:

Giới thiệu mục tiêu của việc xây dựng quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng: Thảo luận chung để làm rõ mục tiêu xây dựng quy ước.

Thảo luận để xây dựng quy ước theo từng chủ đề:

Xác định những vấn đề chính liên quan tới quản lý bảo vệ và phát triển rừng: Liệt kê những vấn đề mà người dân muốn thảo luận liên quan đến quản lý bảo vệ và phát triển rừng của họ. Nhóm các vấn đề và xếp theo thứ tự ưu tiên để lần lượt thảo luận xây dựng thành quy ước.

Quy ước quản lý phát triển rừng: Thảo luận về trách nhiệm tham gia quản lý và thực hiện kế hoạch phát triển rừng của thôn.

Quy ước chặn thả: Giải thích rõ ràng cho người dân về tác động tiêu cực của việc chặn thả gia súc đối với rừng mới trồng và rừng tái sinh tự nhiên còn non. Thúc đẩy nông dân thảo luận và đi đến thống nhất về quy chế nào sẽ được áp dụng đối với việc chặn thả trong từng diện tích rừng: Khu vực nào được quy định cho chặn thả? Các thể thức chặn thả như thế nào?. Cộng đồng xác định được và nhất trí về các mức bồi thường và xử phạt.

Lợi ích và nhiệm vụ của chủ rừng và người bảo vệ rừng: Cộng đồng xác định được các lợi ích, nguồn thu, chi và trích lập các quỹ của cộng đồng.

Thủ tục đền bù và khen thưởng: Cộng đồng xác định được ai có thẩm quyền xử đền bù đối với người vi phạm, quyền hạn của trưởng thôn và ban quản lý rừng. Cộng đồng thống nhất về thủ tục và mức đền bù, khen thưởng.

Thống nhất bản thảo quy ước trong cộng đồng: Các chủ đề liên quan đến quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng được đưa ra ở trên sau khi lấy ý kiến và thống nhất chỉnh sửa. Bầu ban quản lý rừng thôn và xác định thù lao, trách nhiệm, nguyên tắc làm việc của ban này.

Hội nghị cần ghi biên bản với chữ ký của trưởng thôn và thư ký hội nghị. Biên bản hội nghị và dự thảo quy ước bảo vệ rừng ngập mặn được gửi đến hội đồng nhân dân (HĐND) và UBND xã.

Sau khi có bản thảo quy ước và góp ý của hội nghị thôn, ban quản lý rừng hoàn thành văn bản quy ước với sự hỗ trợ của cán bộ kiểm lâm địa bàn. Văn phong trong quy ước cần đơn giản, sử dụng ngôn ngữ địa phương, dễ hiểu với người dân, cuối cùng quy ước cần được thông qua một lần cuối trước cộng đồng thôn để có thống nhất chung (Hợp thôn để thống nhất bản thảo quy ước).

Nếu các nội dung quy ước được ít nhất 2/3 số người dự hội nghị biểu quyết tán thành thì UBND xã xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND huyện chuẩn y.

Quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng của thôn sau khi được Chủ tịch UBND huyện chuẩn y, UBND xã tổ chức hội nghị thôn phổ biến nội dung và biện pháp thực hiện bản quy ước.

Thôn cử ra tổ bảo vệ và phát triển rừng và ủy viên thanh tra nhân dân để tổ chức giám sát việc thực hiện quy ước.

Khi có những tranh chấp, vi phạm về quản lý bảo vệ rừng, nếu thuộc nội bộ cộng đồng đã được quy định trong quy ước thì thôn nhắc nhở, giải quyết trên tinh thần hòa giải trong cộng đồng; trường hợp hành vi và mức độ vi phạm đã được pháp luật quy định phải xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự thì trưởng thôn lập biên bản báo cáo UBND xã đồng thời báo cho kiểm lâm địa bàn để xử lý.

Nghị quyết của hội nghị thôn xem xét, giải quyết những vụ vi phạm quy ước chỉ có giá trị khi được ít nhất nửa số người dự họp tán thành và không trái với các quy định hiện hành của Nhà nước.

5.5. Đánh giá sơ bộ về kết quả xây dựng và thực hiện quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn

Việc xây dựng quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn có tác động tích cực đến các mặt sau đây hay không?:

Có giúp cho người dân nâng cao nhận thức về lợi ích của rừng ngập mặn và những tác hại của việc mất rừng ngập mặn hay không?.

Có tạo cơ hội cho cộng đồng duy trì và phát huy bản sắc văn hóa trong việc quản lý tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng hay không?.

Ý thức bảo vệ rừng của người dân được nâng cao, nạn phá rừng đã giảm hẳn so với trước đây hay không?.

Quy ước do chính cộng đồng dân cư thôn xây dựng có phù hợp với điều kiện và lợi ích của họ và do chính họ thực hiện nên quy ước dễ đi vào lòng người hay không?.

Việc người dân tự xây dựng và thực hiện quy ước chính là một phương thức tự quản trên địa bàn của cộng đồng dân cư thôn, có tác dụng ngăn chặn ngay từ đầu các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng hay không?.

Góp phần khuyến khích động viên nhân dân tham gia thực hiện trồng mới, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, trồng bổ sung, tăng cường thực hiện quy chế dân chủ cơ sở hay không?.

VI. Phương pháp xây dựng nội dung quản lý rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng

6.1. Điều tra tài nguyên và lập kế hoạch quản lý rừng có sự tham gia của cộng đồng

Về quan điểm, do việc lập kế hoạch quản lý có liên quan đến việc thống kê tài nguyên rừng là việc làm rất vất vả, tốn nhiều công sức và chi phí nên đối với cộng đồng, phương pháp phải bảo đảm đơn giản, dễ thực hiện, ít tốn kém để người dân có thể tham gia với sự hỗ trợ của cán bộ lâm nghiệp.

Cơ sở để xây dựng kế hoạch là dựa vào tài nguyên rừng thực tế và dẫn dắt rừng thực tế theo một mẫu rừng lý tưởng.

Việc lập kế hoạch quản lý rừng ngập mặn được tiến hành theo trình tự: Phân lô, mô tả lô rừng, đo đếm ngoài thực địa, tổng hợp phân tích dữ liệu, đánh giá diễn biến rừng theo thời gian, xác định mục tiêu, vấn đề và cơ hội, lập kế hoạch quản lý rừng 5 năm, phân chia kế hoạch hoạt

động hàng năm. Có thể gộp thành 3 bước lớn sau đây:

6.1.1. Đánh giá tài nguyên rừng có sự tham gia của cộng đồng (bước 1).

Nội dung của bước 1 gồm xác định lô, mô tả lô rừng, đo đếm trên thực địa như sau:

a) Xác định từng lô rừng ngập mặn tại thực địa

- Mục đích:

Nhằm phân chia rừng của cộng đồng thành các lô riêng biệt có điều kiện lập địa và trạng thái rừng tương đối đồng nhất từ đó có cùng một mục tiêu quản lý và cùng các biện pháp tác động.

Làm cơ sở cho việc điều tra thống kê tài nguyên rừng và lập kế hoạch.

Tạo điều kiện cho người dân nhận biết trong quá trình quản lý, thực hiện kế hoạch.

- Phương pháp tiến hành, gồm:

Do người dân từ lâu sống gắn bó với rừng nên họ dễ dàng nhận biết ranh giới của các khu rừng ngoài thực địa, với sự trợ giúp của cán bộ kỹ thuật sử dụng bản đồ số xác định từng lô rừng ngập mặn trên bản đồ so sánh với thực địa để xác định lại ranh giới và chỉnh sửa lại nếu có sai lệch lớn.

Xác định diện tích các lô rừng.

(Nội dung trên có thể thực hiện trong quá trình giao rừng ngập mặn tại thực địa giữa chủ rừng và cộng đồng)

- Mô tả lô rừng:

Mục đích: Nắm được sơ bộ về thực trạng của lô rừng.

Nội dung: Người dân tham gia mô tả lô rừng về loại rừng (rừng trồng, rừng tự nhiên, loài cây, mật độ, trung bình của một số chỉ tiêu: đường kính 1.3m, chiều cao, đường kính tán), kiểu rừng (rừng non, rừng nghèo, rừng trung bình, rừng giàu...), khả năng kết hợp lâm ngư và một số đặc điểm khác (tình hình chặn thả gia súc, sâu bệnh hại, lịch sử rừng trước đây...).

6.1.2. Tổng hợp phân tích số liệu (bước 2)

Tổng hợp số liệu đo đếm ngoại nghiệp trên các ô mẫu, quy đổi theo quy định.

Diện tích lô, thống kê vào phiếu tổng hợp theo lô.

Lên biểu đồ cấu trúc thực của lô rừng.

Để có thể phân tích số liệu ở từng vùng, tiến hành xây dựng cấu trúc số cây theo cấp đường kính lý tưởng cho từng kiểu rừng.

Phân tích số liệu: Tiến hành so sánh giữa cấu trúc lý tưởng với cấu trúc hiện tại (thể hiện bằng biểu đồ và bảng biểu). Nếu số cây điều tra thực tế ở một trạng thái rừng nào đó nhỏ hơn số cây chuẩn thì nên trồng mới, trồng bổ sung hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, còn nếu bằng hoặc lớn hơn số cây chuẩn thì thực hiện công tác bảo vệ do đây là rừng phòng hộ ven biển nên nghiêm cấm chặt phá kể cả tỉa thưa. Tức là so sánh với mô hình chuẩn và đưa ra quyết định lô nào cần trồng mới, trồng bổ sung, nuôi dưỡng, cần bảo vệ. Việc phân tích số liệu chủ yếu do cán bộ kỹ thuật tiến hành, sau đó giải thích cho dân hiểu để họ thực hiện.

6.1.3. Lập kế hoạch 5 năm và hàng năm (bước 3).

Xác định mục tiêu chung về quản lý toàn bộ rừng dựa vào cộng đồng.

Xác định mục đích cụ thể cho từng lô rừng và các biện pháp tác động. Công việc này được tiến hành với sự tham gia thảo luận của cộng đồng.

Dựa vào kết quả phân tích ở phần trên, lập kế hoạch 5 năm và hàng năm và ghi vào biểu thể hiện các hoạt động cho từng lô như bảo vệ, khoanh nuôi, khoanh nuôi có trồng bổ sung, nuôi dưỡng rừng, trồng rừng.

Căn cứ để lập kế hoạch đối với công tác lâm sinh cần phải dựa vào năng lực của cộng đồng và các nguồn lực hỗ trợ đầu tư khác (từ Nhà nước, từ các dự án nước ngoài, từ nguồn vốn có khả năng vay...)

6.1.4. Quản lý kế hoạch

Kế hoạch do cộng đồng thôn xây dựng và trình UBND xã.

UBND xã tổng hợp khối lượng theo kế hoạch 5 năm trình UBND huyện xem xét, phê duyệt và báo cáo UBND tỉnh.

Sau khi được UBND huyện phê duyệt, cộng đồng tổ chức thực hiện, xã chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hàng năm. Các cơ quan có liên quan khác kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo chức năng được giao và theo quy định của pháp luật.

6.2. Những công việc dự kiến tiến hành

6.2.1. Nuôi dưỡng rừng ngập mặn

a) Đối tượng rừng cần nuôi dưỡng

Rừng trồng hoặc rừng tự nhiên, mật độ tối thiểu trung bình trên 1.000 cây/ha đối với cây thân gỗ trung bình và gỗ lớn, trên 2.000 cây/ha đối với cây thân gỗ dạng nhỏ, phân bố tương đối đều trong lâm phần.

Rừng phục hồi sau nuôi trồng thủy sản, trên các đầm nuôi trồng thủy sản bỏ hoang có trảng cỏ cây bụi có cấu trúc hỗn loài và không đều tuổi, trong tầng cây cao, số cây thuộc các loài phù hợp mục tiêu phòng hộ và có phẩm chất tốt đạt mật độ trên 1000 cây/ha hoặc tầng cây tái sinh có số cây mục đích có triển vọng đạt trên 1000 cây/ha (tính từ cây tái sinh có chiều cao lớn hơn 2 m).

b) Nội dung kỹ thuật

Nuôi dưỡng rừng trồng và rừng tự nhiên tương đối đều tuổi

Điều chỉnh và tạo tổ thành hợp lý cho rừng hỗn loài, tạo mật độ hợp lý để rừng đạt chức năng phòng hộ cao sau giai đoạn nuôi dưỡng.

Loại trừ cây sâu bệnh.

Vớt rác, bèo, diệt Hà hại cây khi còn là rừng non.

Bảo vệ không để gia súc, tàu thuyền vào ra, cũng như con người phá hại.

Nuôi dưỡng rừng tự nhiên hỗn loài không đều tuổi.

Điều chỉnh, tạo tổ thành và mật độ phân bố đều, hợp lý cho rừng tự nhiên hỗn loài không đều tuổi để rừng đạt chức năng phòng hộ cao sau giai đoạn nuôi dưỡng.

Chặt loại bỏ cây sâu bệnh.

Vớt rác, bèo, diệt Hà, hại cây khi rừng còn non.

Bảo vệ không để gia súc, tàu thuyền vào ra, cũng như con người phá hại.

6.2.2. Khoanh nuôi rừng

a) Đối tượng khoanh nuôi

Đất ngập mặn chưa có rừng (đất bị mất rừng do nuôi trồng thủy sản, bãi mới bồi tụ) mà quá trình tái sinh diễn ra tự nhiên cộng với sự tác động hỗ trợ của con người (xúc tiến tái sinh trồng bổ sung) có thể hình thành rừng trong thời gian xác định, đáp ứng yêu cầu phòng hộ. Đồng thời phải có ít nhất một trong các điều kiện sau:

Cây con tái sinh mục đích có chiều cao trên 50 cm phải đạt mật độ tối

thiếu 1.000 cây/ha, phân bố tương đối đều.

Gốc mẹ có khả năng tái sinh chồi.

Cây mẹ gieo giống tại chỗ có ít nhất 25 cây/ha phân bố tương đối đều, có nguồn gieo giống và cự ly phát tán giống đạt yêu cầu từ các khu rừng lân cận.

b) Biện pháp kỹ thuật khoanh nuôi

b1. Khoanh nuôi mức độ tác động thấp

Nội dung công việc chủ yếu là bảo vệ (chống chặt phá, chống chặn thả trong giai đoạn đầu) để rừng tự tái sinh và phát triển.

Biện pháp:

Xác định ranh giới, cắm biển, mốc bảo vệ.

Tổ chức tuần tra canh gác chống chặt phá, cấm chặn thả súc vật.

Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ rừng.

Tuyên truyền giáo dục cho cộng đồng về ý thức quản lý bảo vệ rừng.

b2. Khoanh nuôi có mức độ tác động cao

Ngoài các biện pháp tác động ở mức độ thấp đã nêu tại điểm b1 nói trên, tùy theo đối tượng, mục đích khoanh nuôi tái sinh, điều kiện kinh tế xã hội và khả năng của cộng đồng mà có thể áp dụng một, hai hoặc nhiều biện pháp sau:

Dọn cỏ rác, bèo, bắt hà... tạo điều kiện cho cây mục đích tái sinh phát triển vượt khỏi sự chèn ép.

Tỉa dặm cây mục đích từ chỗ dày sang chỗ thưa.

Trồng bổ sung các loài cây mục đích ở các khoảng trống lớn trên 500 m² hoặc xen kẽ trong tán rừng.

Chăm sóc cho cây mục đích và cây trồng bổ sung mỗi năm ít nhất 2 lần trong 3 năm đầu.

Chặt bỏ cây sâu bệnh.

6.2.3. Trồng rừng mới

a) Đối tượng đất trồng rừng

Đối tượng trồng rừng bao gồm đất ngập mặn chưa có rừng (không kể đất đã đưa vào khoanh nuôi), đất ngập mặn bỏ hoang sau nuôi trồng

thủy sản, đã áp dụng các giải pháp kỹ thuật tái tạo rừng (nuôi dưỡng, xúc tiến tái sinh hoặc phục hồi bằng khoanh nuôi) nhưng không thành công.

b) Tiêu chí lựa chọn loài cây trồng rừng phòng hộ ngập mặn

Phù hợp với điều kiện sinh thái ở địa phương và dễ tạo thành rừng phòng hộ.

Thân gỗ, sống lâu năm, có bộ rễ ăn sâu và tán lá rậm, thường xanh.

Thích hợp với trồng rừng hỗn giao và có thể tạo thành rừng đa tầng.

Có thể chịu đựng được lạnh rét, bão tố và điều kiện lập địa khó khăn như thế nên có tỷ lệ cát từ 50-70%, ngập triều sâu.

Đa tác dụng, có khả năng cung cấp các sản phẩm ngoài gỗ mà không làm ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ.

Được cộng đồng ưa chuộng.

Đã nắm chắc kỹ thuật gây trồng.

Có đủ giống tốt.

Có khả năng tái sinh tự nhiên tốt.

c) Một số vấn đề kỹ thuật cần lưu ý

Ưu tiên trồng rừng hỗn loài nhiều tầng tán.

Sử dụng giống từ các nguồn giống đã được công nhận.

Các biện pháp kỹ thuật áp dụng (xử lý thực bì, làm đất, tiêu chuẩn cây con, mật độ trồng, thời vụ trồng, chăm sóc, bảo vệ) theo quy trình hoặc hướng dẫn kỹ thuật cho các loài cây cụ thể.

6.2.4. Bảo vệ rừng phòng chống người và gia súc phá hại

Lập các chòi kiểm soát ở các đầu nút của các tuyến đường thâm nhập vào rừng.

Thiết lập hệ thống biển báo về chống chặt phá rừng; pa nô, áp phích tuyên truyền, giáo dục.

Xây dựng quy chế bảo vệ rừng và phổ biến cho mọi thành viên trong cộng đồng.

Tổ chức lực lượng bảo vệ, tuần tra, canh gác.

Tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng.



DỰ ÁN PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN Ở TỈNH THÁI BÌNH

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TRUNG ƯƠNG

Phòng 211 nhà A2, số 21A Ngọc Hà,
Ba Đình, Hà Nội

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN THÁI BÌNH

Số 1 Lê Lợi, thành phố Thái Bình

